

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 22 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Dũng;

Ông Lý Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 28/TB – TA, ngày 05/4/2022 đối với bị cáo:

Hà Trùng D, sinh ngày 06/11/1996; tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con Hà Văn G, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1976; Không có vợ con; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ ngày 17/10/2021 và chuyển tạm giam ngày 20/10/2021 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Huyền H, sinh năm 2006 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Huyền H: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Quang Q, sinh năm 1966 (vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Khóm U, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Trà Vinh

2. Nguyễn Thùy E, sinh năm 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thùy E: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hà Trung D làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, đến khoảng đầu năm 2021 bị cáo quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương với Nguyễn Thùy E. Ngày 20/6/2021 Thùy E rủ bị cáo về nhà của Thùy E chơi thì bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo thuê xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AirBlade, biển số 77L1-162.55 chở Thùy E từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà Thùy E tại Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh. Khoảng 09 giờ ngày 22/6/2021, các thành viên trong gia đình của Thùy E đi vắng, không có ai trong coi tài sản nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo đi vào phòng ngủ của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T (ông Tân là cha ruột của Thùy E, bà Tâm là mẹ kế của Thùy E). Bị cáo đi đến vị trí tủ gỗ đặt trong phòng ngủ, dùng tay mở cánh cửa tủ để tìm kiếm tài sản thì phát hiện 01 giỏ xách màu xanh, bên trong có chứa 02 túi vải màu đỏ, bị cáo kiểm tra 02 túi vải thì nhìn thấy bên trong có chứa 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, kiểu móc xích, trọng lượng 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn dạng tròn bằng vàng 18K, mỗi chiếc có trọng lượng 0,5 chỉ nên bị cáo liền lấy và bỏ vào túi quần đang mặc trên người để cất giấu. Đối với túi xách màu xanh cùng 02 túi vải màu đỏ bị cáo để lại vị trí ban đầu rồi đi ra khỏi phòng ngủ. Khoảng 10 giờ cùng ngày Thùy E trở về nhà, bị cáo rủ Thùy E đi thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để mua đồ dùng cá nhân thì Thùy E đồng ý. Khi bị cáo điều khiển xe biển số 77L1-162.55 đến thị trấn C, huyện Y, tỉnh Trà Vinh bị cáo yêu cầu Thùy E đứng đợi tại khu vực bờ hồ thuộc thị trấn C, huyện Y để bị cáo đi rút tiền thì Thùy E đồng ý. Bị cáo điều khiển xe đến tiệm vàng “Tân” thuộc khóm U, thị trấn C, huyện Y để bán số tài sản mà bị cáo

trộm được với số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi bán xong tài sản trộm cắp bị cáo tiếp tục điều khiển xe chở Thùy E đi đến Điện Máy Xanh tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản 19035552277014 do bị cáo đứng tên mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào ví MoMo của bị cáo, còn lại 2.000.000 đồng bị cáo cất giữ riêng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo dùng số tiền đã nạp vào tài khoản Ngân hàng Techcombank để mua 01 điện thoại OPPO A15, màu trắng với giá 3.490.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu TiTan với giá 2.380.000 đồng; 01 tai nghe Bluetooth nhãn hiệu Mozard R559X với giá 360.000 đồng và 01 pin sạc dự phòng nhãn hiệu Polymer giá 250.000 đồng. Sau đó, bị cáo điều khiển xe chở Thùy E về nhà, bị cáo tặng điện thoại OPPO A15, màu trắng và tai nghe Bluetooth vừa mua được cho Nguyễn Thị Huyền H (Trang là em ruột Thùy E). Do sợ hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện nên ngày 23/6/2021 bị cáo điều khiển xe chở Thùy E trở lại thành phố Hồ Chí Minh và sử dụng số tiền còn lại để tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện việc mất trộm bà Tâm, ông Tân đến báo Công an xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè. Đến ngày 16/10/2021 bị cáo đến Công an xã Ninh Thới đầu thú.

Đối với Nguyễn Thùy E qua làm việc Thùy E không biết sự việc bị cáo trộm cắp tài sản. Việc bị cáo bán tài sản sau khi trộm cắp được và dùng tiền bán tài sản trộm cắp để mua đồ dùng Thùy E không biết từ đâu bị cáo có để mua tài sản.

Đối với ông Lê Quang Q, qua làm việc ông Tân xác định có mua 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, kiểu mắc xích, trọng lượng 05 chỉ và 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, dạng tròn, mỗi chiếc có trọng lượng 0,5 chỉ do người thanh niên nói giọng miền Bắc đến bán nhưng ông không xác định được thời gian cụ thể. Ông không biết là tài sản trộm cắp, số vàng đã mua ông chế tác lại bán cho các tiệm vàng khác nên không thể giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 33/BKL-HĐĐG ngày 18/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè xác định tại thời điểm bị mất trộm 05 chỉ vàng 24K, loại dây chuyền, kiểu mắc xích có giá 26.210.000 đồng; 0,5 chỉ vàng 18K, loại nhẫn đeo tay dạng tròn có giá 1.990.000 đồng; 0,5 chỉ vàng 18K, loại nhẫn đeo tay dạng tròn có giá 1.990.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 30.190.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng, số seri BEEQ9DHIVCRCBYZ5, đã qua sử dụng và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), số thẻ 4221498664241727.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 10/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Hà Trùng D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng với cáo trạng truy tố bị cáo. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 09 giờ ngày 22/6/2021 tại nhà của bà Tâm, ông Tân thuộc tại Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh lợi dụng lúc không có ai ở nhà nên bị cáo lén lút lấy trộm 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 02 chiếc nhẫn, trọng lượng mỗi chiếc 0,5 chỉ vàng 18K, loại nhẫn đeo tay.

Bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.190.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 30.190.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh: Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thay đổi tình tiết giảm nhẹ từ bị cáo tự thú thành bị cáo đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hà Trùng D từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2021. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 30.190.000 đồng. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo D mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét hành vi của bị cáo Hà Trùng D: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 22/6/2021 tại nhà của bà Tâm, ông Tân thuộc Ấp R, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh lợi dụng lúc không có ai trông coi quản lý tài sản nên bị cáo lén lút lấy trộm 01 dây chuyền kiểu mắc xích trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 02 chiếc nhẫn, loại nhẫn đeo tay dạng tròn, trọng lượng mỗi chiếc là 0,5 chỉ vàng 18K, tổng trị giá tài sản là 30.190.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 10/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Hà Trùng D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và khung hình phạt.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ sự tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không mất công sức lao động. Với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn, để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị thay đổi áp dụng tình tiết bị cáo tự thú thành bị cáo đầu thú. Xét thấy, việc thay đổi này phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.190.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 30.190.000 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Hà Trùng D và bị hại Nguyễn

Thị T, Nguyễn Văn T1. Buộc bị cáo Hà Trùng D bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T1 số tiền 30.190.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng, số seri BEEQ9DHIVCRCBYZ5 (đã qua sử dụng), bị cáo đã dùng số tiền bán tài sản trộm của ông T1, bà T để mua, nên Hội đồng xét xử giao điện thoại này cho Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giữ để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), số thẻ 4221498664241727.

[7] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Hà Trùng D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Xét thấy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hà Trùng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Hà Trùng D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hà Trùng D và bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T1. Buộc bị cáo Hà Trùng D bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T1 số tiền 30.190.000 đồng. (*Ba mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Giao 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng, số seri BEEQ9DHIVCRCBYZ5, đã qua sử dụng, do Chi cục Thi hành án huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giữ để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), số thẻ 4221498664241727.

Tất cả các vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKS-HS, ngày 10/02/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Hà Trùng D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Buộc bị cáo Hà Trùng D phải chịu 1.509.500 đồng (*Một triệu năm trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nhi